

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ghi chú
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)		Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)					
1	2	3	4	5	6=5*38000	7	8	9=8*40000	10=4+7	11=5+8	10=6+10	10
Tổng			60	1.996	75.848.000	256	9.826	338.800.000	316	11.822,0	414.648.000	
1	Bản Suối Lìn	xã Vân Hồ	28	945,0	35.910.000,0	168	5.740	229.580.000	196	6.684,5	265.490.000	
2	Bó Nhàng 2	xã Vân Hồ	14	436	16.568.000	23	1.050	42.000.000	37	1.486	58.568.000	
3	Pà Puộc	xã Vân Hồ	-	-	-	15	697	27.860.000	15	697	27.860.000	
4	Suối Bon	xã Vân Hồ	2	85	3.230.000	37	1.518	6.480.000	39	1.603	9.710.000	
5	Sao Đỏ 2	xã Vân Hồ	-	-	-	5	232	9.280.000	5	232	9.280.000	
6	Chiềng đi 1	xã Vân Hồ	7	142	5.396.000	3	88	3.520.000	10	230	8.916.000	
7	Chiềng đi 2	xã Vân Hồ	1	87	3.306.000	1	60	2.400.000	2	147	5.706.000	
8	Co chàm	xã Vân Hồ	7	186	7.068.000	-	-	-	7	186	7.068.000	
9	Hang trùng 2	xã Vân Hồ				4	442	17.680.000	4	442	17.680.000	
10	Hang trùng 1	xã Vân Hồ	1	115	4.370.000	-	-	-	1	115	4.370.000	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN SUỐI LÌN, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			28	945	35.910.000		168	5.739,5	229.580.000	265.490.000		
1	Đặng Văn Nguyên	Suối Lìn	1	67	2.546.000	7/16/2025				2.546.000		
2	Bàn Thị Tiên (Chênh)	Suối Lìn			-		1	34	1.360.000	1.360.000	7/28/2025	
3	Đặng Văn Đức	Suối Lìn			-		4	162	6.480.000	6.480.000	7/26/2025	
4	Bàn Văn Sơn (mình)	Suối Lìn	2	102	3.876.000	14-22/7/2025	5	143	5.720.000	9.596.000	29-30-31/7/2025 - 01/08/2025	
5	Đặng Văn Bình	Suối Lìn			-		2	111	4.440.000	4.440.000	8/2/2025	
6	Bàn Thị Hoa (vân)	Suối Lìn			-		3	169	6.760.000	6.760.000	7/31/2025	
7	Lý Văn Phương	Suối Lìn			-		3	75,5	3.020.000	3.020.000	8/1/2025	
8	Bàn Văn Nguyên	Suối Lìn			-		3	42	1.680.000	1.680.000	7/31/2025	
9	Bàn Thị Giang (Tú)	Suối Lìn			-		3	114	4.560.000	4.560.000	7/26/2025	
10	Bàn Văn Ngọc	Suối Lìn	2	81	3.078.000	7/24/2025				3.078.000		
11	Bàn Đức Hạnh	Suối Lìn	5	91	3.458.000	7/16/2025				3.458.000		
12	Lý Văn Sơn	Suối Lìn			-		3	109	4.360.000	4.360.000	7/27/2025	
13	Bàn Văn Hoàng (Điệp)	Suối Lìn	4	217	8.246.000	7/12/2025				8.246.000		

14	Đặng Ngọc Hùng (Là)	Suối Lìn			-		4	90	3.600.000	3.600.000	7/26/2025	
15	Đặng Văn Khánh	Suối Lìn			-		2	177	7.080.000	7.080.000	7/27/2025	
16	Bàn Văn Út	Suối Lìn			-		1	13	520.000	520.000	7/26/2025	
17	Bàn Văn Dần	Suối Lìn			-		3	113	4.520.000	4.520.000	7/26/2025	
18	Bàn Văn Liềm	Suối Lìn			-		6	210	8.400.000	8.400.000	8/2/2025	
19	Bàn Thị Lương (rên)	Suối Lìn			-		3	109	4.360.000	4.360.000	7/27/2025	
20	Đặng Văn Kiên	Suối Lìn			-		6	492	19.680.000	19.680.000	7/28/2025	
21	Bàn Thị Mai (lực)	Suối Lìn			-		6	225	9.000.000	9.000.000	7/27/2025	
22	Bàn Văn Ton	Suối Lìn			-		7	222	8.880.000	8.880.000	7/27/2025	
23	Đặng Văn Hán	Suối Lìn	5	66	2.508.000	7/23/2025			-	2.508.000		
24	Lý Thị Mai (Hoc)	Suối Lìn			-		6	134	5.360.000	5.360.000	7/27/2025	
25	Triệu Thị Hòa (Dịu)	Suối Lìn			-		2	81	3.240.000	3.240.000	7/31/2025	
26	Đặng Văn Quỳnh	Suối Lìn			-		4	108	4.320.000	4.320.000	8/1/2025	
27	Bàn Văn Trường	Suối Lìn	1	48	1.824.000	7/22/2025			-	1.824.000		
28	Lý Văn Hùng	Suối Lìn			-		4	132	5.280.000	5.280.000	7/31/2025	
29	Bàn Ngọc Sơn	Suối Lìn			-		6	101	4.040.000	4.040.000	8/2/2025	
30	Bàn Văn Tàu	Suối Lìn			-		12	174	6.960.000	6.960.000	7/30/2025	
31	Đặng Thị Đám	Suối Lìn			-		3	107	4.280.000	4.280.000	8/2/2025	
32	Đặng Thị Hằng	Suối Lìn			-		1	41	1.640.000	1.640.000	8/1/2025	
33	Triệu Thị Thủy (Chung)	Suối Lìn			-		3	161	6.440.000	6.440.000	8/2/2025	
34	Bàn Văn Mỹ	Suối Lìn	1	53	2.014.000	7/22/2025				2.014.000		
35	Bàn Thế Văn (Sung)	Suối Lìn			-		5	78	3.120.000	3.120.000	8/1/2025	
36	Bàn Thị Sáng	Suối Lìn			-		1	21	840.000	840.000	8/1/2025	

37	Triệu Văn Thành	Suối Lìn	4	109	4.142.000	7/24/2025			-	4.142.000		
38	Bàn Văn Khu	Suối Lìn			-		1	13	520.000	520.000	7/30/2025	
39	Đặng Thị Nguyệt (Quân)	Suối Lìn			-		1	24	960.000	960.000	7/26/2025	
40	Đặng Văn Thông	Suối Lìn			-		2	62	2.480.000	2.480.000	7/26/2025	
41	Đặng Văn Nái	Suối Lìn			-		1	38	1.520.000	1.520.000	7/30/2025	
42	Triệu Thị Ngân	Suối Lìn			-		4	201	8.040.000	8.040.000	8/1/2025	
43	Bàn Văn Hoàng (B)	Suối Lìn			-		1	14	560.000	560.000	7/29/2025	
44	Phàng A Lữ	Suối Lìn			-		2	75	3.000.000	3.000.000	8/2/2025	
45	Bàn Văn Chung	Suối Lìn			-		2	63	2.520.000	2.520.000	7/28/2025	
46	Đặng Anh Vũ	Suối Lìn			-		1	20	800.000	800.000	7/28/2025	
47	Bàn Văn Siễn	Suối Lìn			-		1	20	800.000	800.000	7/27/2025	
48	Triệu Văn Tường (Thu)	Suối Lìn			-		2	148	5.920.000	5.920.000	8/2/2025	
49	Bàn Văn Lộc	Suối Lìn			-		1	46	1.840.000	1.840.000	7/29/2025	
50	Đặng Văn Hoàn	Suối Lìn			-		1	35	1.400.000	1.400.000	7/28/2025	
51	Bàn Thị Thu Hiền (Chính)	Suối Lìn			-		3	121	4.840.000	4.840.000	7/29/2025	
52	Đặng Thị Hoài	Suối Lìn			-		2	144	5.760.000	5.760.000	8/2/2025	
53	Triệu Văn Hải (Hán)	Suối Lìn	1	65	2.470.000					2.470.000		
54	Đặng Thị Dung (B)	Suối Lìn			-		1	30	1.200.000	1.200.000	7/26/2025	
55	Đặng Văn Quyết	Suối Lìn			-		1	37	1.480.000	1.480.000	7/30/2025	
56	Triệu Văn Duẩn	Suối Lìn			-		2	88	3.520.000	3.520.000	7/26/2025	
57	Lý Thị Mai (Sìn)	Suối Lìn			-		5	243	9.720.000	9.720.000	7/25/2025	
58	Đặng Văn Long (kiêm A)	Suối Lìn			-		1	30	1.200.000	1.200.000	7/28/2025	
59	Bàn Thị Thanh (huyện)	Suối Lìn			-		8	48	1.920.000	1.920.000	7/26/2025	

60	Đặng Thị Thiên	Suối Lìn	1	20	760.000	7/21/2025				760.000		
61	Bà Văn Đại	Suối Lìn	1	26	988.000	7/21/2025				988.000		
62	Bà Văn Tranh	Suối Lìn			-		2	142	5.680.000	5.680.000	7/27/2025	
63	Triệu Thị Loan (ngọ)	Suối Lìn			-		2	60	2.400.000	2.400.000	8/2/2025	
64	Đặng Văn Lâm	Suối Lìn			-		3	64	2.560.000	2.560.000	7/25/2025	
65	Đặng Quang Trường (Xuá	Suối Lìn			-		2	37	1.480.000	1.480.000	7/25/2025	
66	Đặng Văn Vinh (Tế)	Suối Lìn			-		1	54	2.160.000	2.160.000	7/25/2025	
67	Triệu Thị Sáu	Suối Lìn			-		3	134	5.360.000	5.360.000	7/29/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN BÓ NHÀNG 2, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			14	436	16.568.000		23	1.050	42.000.000	58.568.000		
1	Thào Thị Xá	Bó nhàng 2			-		2	85	3.400.000	3.400.000	30/07/2025 và 04/8/2025	
2	Vàng A Khúc	Bó nhàng 2			-		3	189	7.560.000	7.560.000	26/07/2025 và 28/8/2025	
3	Vàng A Sĩ	Bó nhàng 2			-		1	55	2.200.000	2.200.000	8/3/2025	
4	Lầu A Nông	Bó nhàng 2			-		3	89	3.560.000	3.560.000	31/07/2025 và 03-04/8/2025	
5	Lầu Văn Chánh	Bó nhàng 2	2	93	3.534.000	10/07/2025 - 19/7/2025	2	60	2.400.000	5.934.000	8/4/2025	
6	Lầu A Mông	Bó nhàng 2			-		1	15	600.000	600.000	7/30/2025	
7	Lầu A Thanh	Bó nhàng 2	3	120	4.560.000	7/17/2025				4.560.000		
8	Lầu A Sơn	Bó nhàng 2			-		2	133	5.320.000	5.320.000	27/07/2025 và 31/7/2025	
9	Lầu A Khúa	Bó nhàng 2	5	103	3.914.000	11-12-13/7/2025			-	3.914.000		
10	Lầu A Phứ	Bó nhàng 2	3	81	3.078.000	7/18/2025			-	3.078.000		

11	Vàng A Sách	Bó nhàng 2			-		3	124	4.960.000	4.960.000	25/07/2025 và 02/8/2025	
12	Lầu A Chái	Bó nhàng 2			-		2	110	4.400.000	4.400.000	25/07/2025 và 03/8/2025	
13	Lầu A Phúc	Bó nhàng 2	1	39	1.482.000	7/24/2025				1.482.000		
14	Sông A Bua	Bó nhàng 2			-		1	23	920.000	920.000	7/30/2025	
15	Mùa A Su	Bó nhàng 2			-		1	104	4.160.000	4.160.000	8/2/2025	
16	Lầu A Thào	Bó nhàng 2			-		2	63	2.520.000	2.520.000	25/07/2025 và 31/7/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN PÀ PUỘC, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng							15	697	27.860.000	27.860.000		
1	Lý Văn Nái	Pa Puộc					1	45	1.800.000	1.800.000	7/31/2025	
2	Lý Văn Phúc	Pa Puộc					1	45	1.800.000	1.800.000	7/29/2025	
3	Lý Văn Tiến	Pa Puộc					2	81	3.240.000	3.240.000	7/31/2025	
4	Đặng Thị Hương	Pa Puộc					4	191	7.640.000	7.640.000	29/7/2025 - 03/8/2025	
5	Bàn Thị Thanh	Pa Puộc					1	36,5	1.460.000	1.460.000	7/25/2025	
6	Triệu Văn Khánh	Pa Puộc					3	142	5.680.000	5.680.000	8/2/2025	
7	Triệu Văn Thanh	Pa Puộc					1	66	2.640.000	2.640.000	7/28/2025	
8	Bàn Văn Sỹ	Pa Puộc					1	60	2.400.000	2.400.000	7/26/2025	
9	Bàn Văn Minh	Pa Puộc					1	30	1.200.000	1.200.000	7/28/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN SUỐI BON, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

ST T	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			2	85	3.230.000		37	1.518	60.720.000	63.950.000		
1	Lý Văn Việt	Suối Bon			-		3	198	7.920.000	7.920.000	7/29/2025	
2	Bàn Văn Chung	Suối Bon			-		6	61	2.440.000	2.440.000	7/26/2025	
3	Đặng Văn Tiến	Suối Bon			-		2	92	3.680.000	3.680.000	7/26/2025	
4	Bàn Thị Lan	Suối Bon			-		2	112	4.480.000	4.480.000	7/27/2025	
5	Bàn Thị Dung	Suối Bon			-		1	38	1.520.000	1.520.000	7/29/2025	
6	Lý Minh Tú	Suối Bon			-		3	53	2.120.000	2.120.000	7/29/2025	
7	Bàn Văn Năm	Suối Bon			-		1	23	920.000	920.000	7/31/2025	
8	Lý Thị Xuân	Suối Bon			-		1	121	4.840.000	4.840.000	04/08/2025	
9	Đặng Thị Hoài	Suối Bon			-		1	64	2.560.000	2.560.000	7/25/2025	
10	Bàn Văn Kênh	Suối Bon	2	85	3.230.000	7/22/2025				3.230.000		
11	Triệu Văn Tuấn	Suối Bon			-		1	50	2.000.000	2.000.000	7/26/2025	
12	Triệu Duy Mạnh	Suối Bon			-		1	32	1.280.000	1.280.000	7/30/2025	

13	Lý Văn Đức	Suối Bon			-		2	129	5.160.000	5.160.000	7/27/2025	
14	Đặng Thị Hương	Suối Bon			-		4	111	4.440.000	4.440.000	7/28/2025	
15	Bàn Thị Lư	Suối Bon			-		4	226	9.040.000	9.040.000	7/25/2025	
16	Đặng Văn Cường	Suối Bon			-		3	92	3.680.000	3.680.000	7/26/2025	
17	Đặng Văn Tâm	Suối Bon			-		1	69	2.760.000	2.760.000	7/26/2025	
18	Bàn Văn Linh	Suối Bon			-		1	47	1.880.000	1.880.000	7/31/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BÀN SAO ĐỎ 2, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo niêm yết ngày 26 /8/2025 của UBND xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng							5	232	9.280.000	9.280.000		
1	Bàn Văn Dương	Sao đỏ 2			-		2	107	4.280.000	4.280.000	8/2/2025	
2	Bàn Văn Sang	Sao đỏ 2			-		1	12	480.000	480.000	8/4/2025	
3	Triệu Văn Điệp	Sao đỏ 2			-		2	113	4.520.000	4.520.000	8/3/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN CHIỀNG ĐI 1, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			7	142	5.396.000		3	88	3.520.000	8.916.000		
1	Vàng A Nô	Chiềng đi 1			-		1	60	2.400.000	2.400.000	8/1/2025	
2	Vàng A Chu	Chiềng đi 1	7	142	5.396.000	20-21-23/07/2025	2	28	1.120.000	6.516.000	7/27/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN CHIỀNG ĐI 2, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			1	87	3.306.000		1	60	2.400.000	5.706.000		
1	Giàng A Sờ	Chiềng đi 2			-		1	60	2.400.000	2.400.000	8/2/2025	
2	Giàng A Nhà	Chiềng đi 2	1	87	3.306.000	7/22/2025				3.306.000		

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢN CO CHÀM, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			7	186	7.068.000		-	-	-	7.068.000		
1	Mùa A Pha	Co chàm	4	43	1.634.000	7/13/2025				1.634.000		
2	Mùa A Tráng	Co chàm	2	95	3.610.000	7/21/2025				3.610.000		
3	Mùa A Tăng	Co chàm	1	48	1.824.000	7/11/2025				1.824.000		

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 HANG TRÙNG 2, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lợn g (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lợn (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng							4	442	17.680.000	17.680.000		
1	Mùi Văn Bình	Hang trùng 2					4	442	17.680.000	17.680.000	31/7/2025 - 02/08/2025	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ SỞ
SẢN XUẤT BỊ THIẾT HẠI DO DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN
ĐỢT 1 NĂM 2025 BẢNG HÀNG TRÙNG 1, XÃ VÂN HỒ**

(Từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 04 tháng 8 năm 2025)

(Kèm theo Thông báo số 713/TB-UBND ngày 03/9/2025 của UBND Xã Vân Hồ)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 02 (38.000 đồng/kg hơi)	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	Lợn (Dịch tả lợn Châu phi)		Đơn giá theo NQ 116 (40.000 đồng/kg hơi)	Tổng NSNN hỗ trợ	Ngày tháng biên bản tiêu hủy	ý kiến của người đề nghị hỗ trợ
			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)			Số lượng (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)				
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9	10=8*9	11=6+10	12	13
Tổng			1	115	4.370.000		-	-	-	4.370.000		
1	Mùi Văn Vân	Hang trùng 1	1	115	4.370.000	7/20/2025				4.370.000		